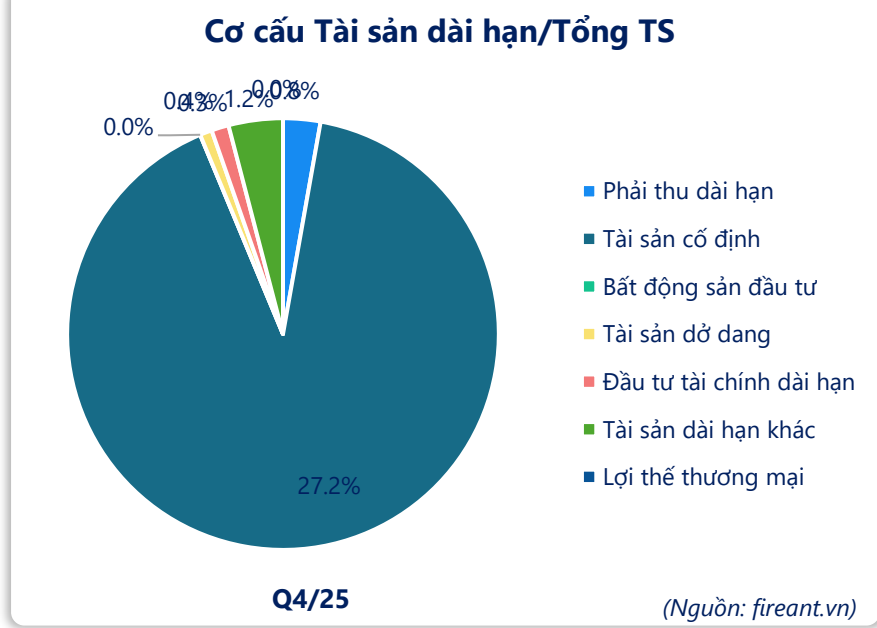
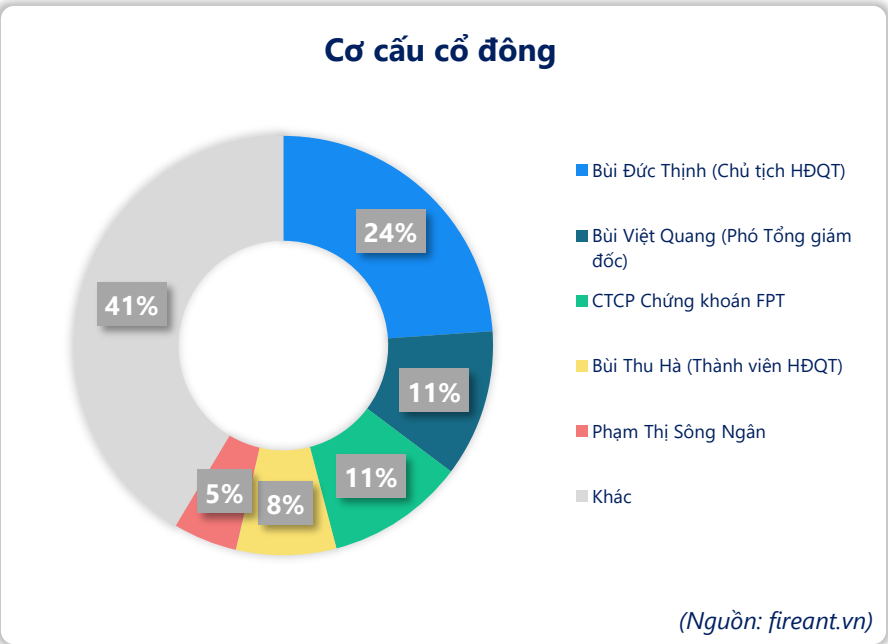
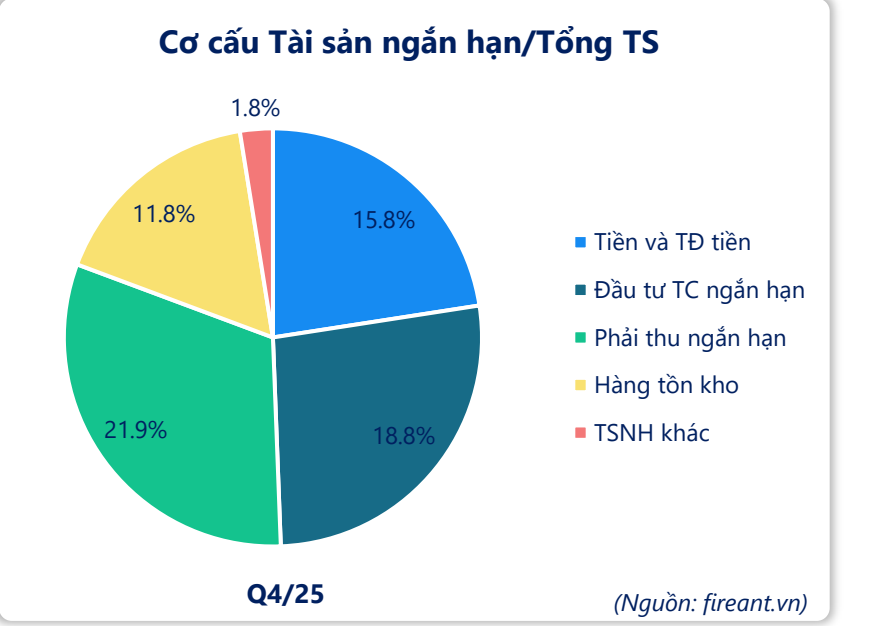
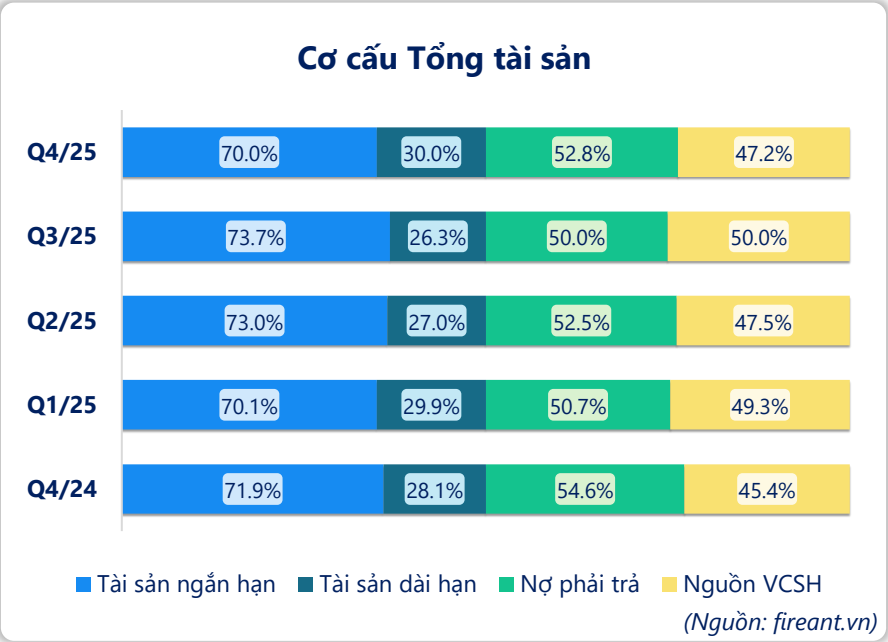
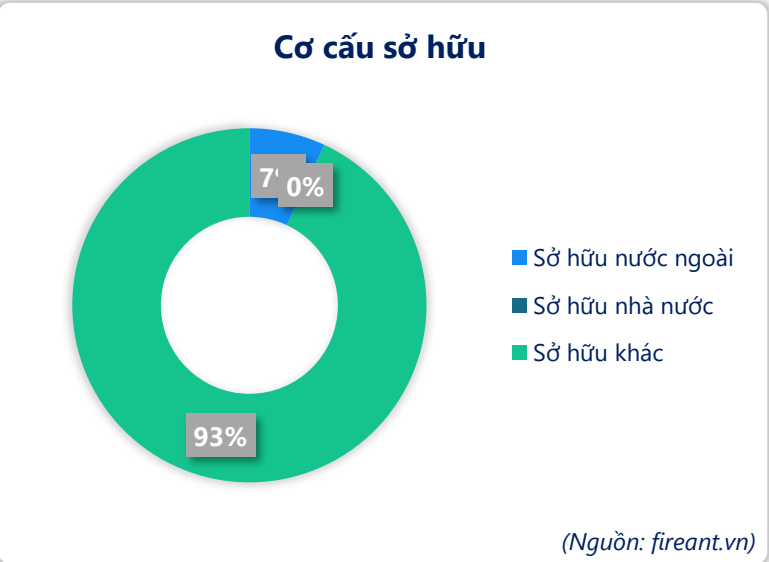
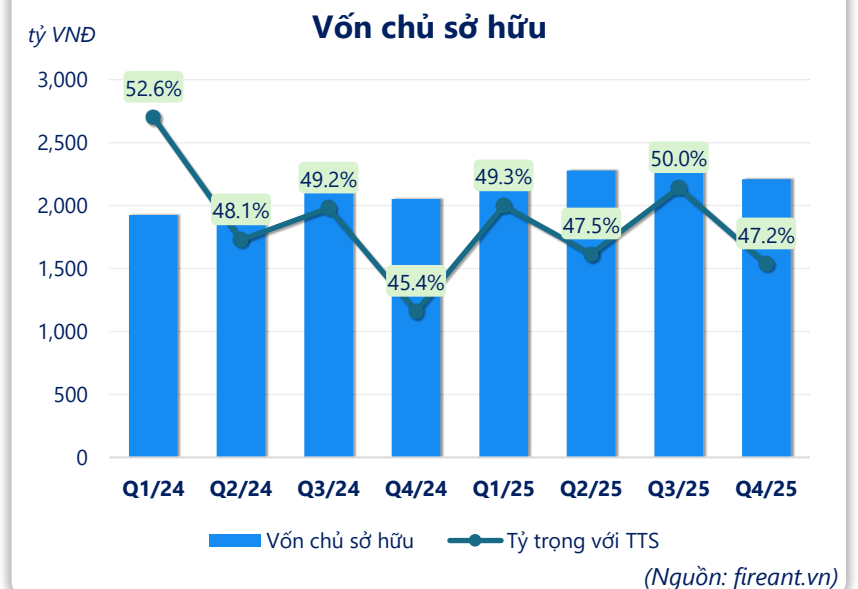
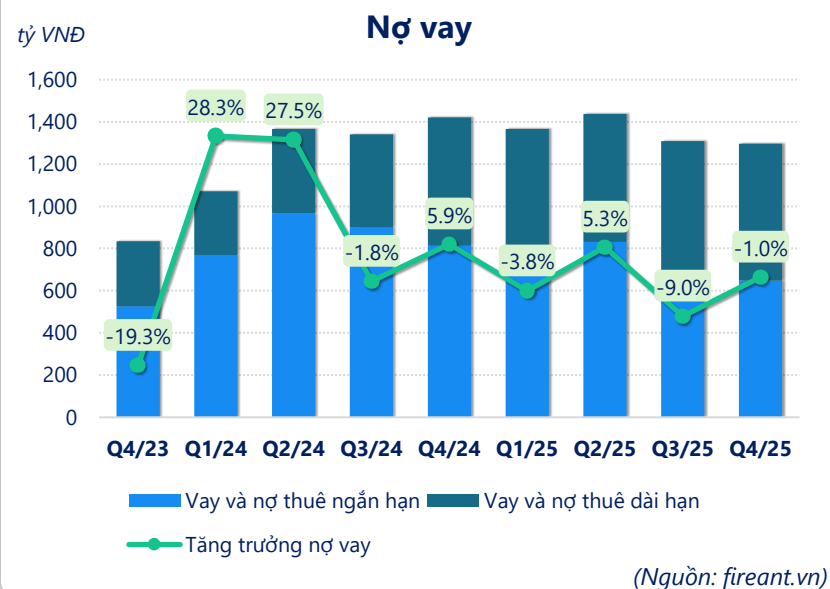
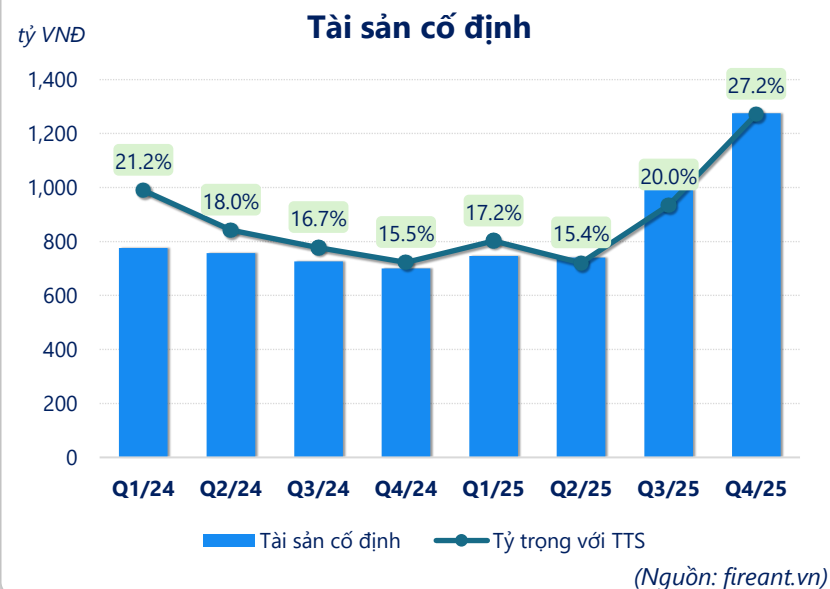
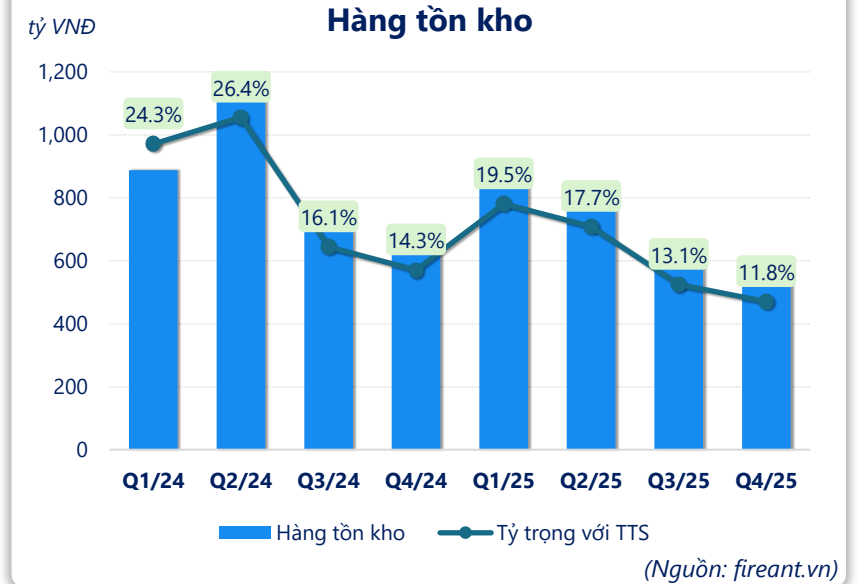
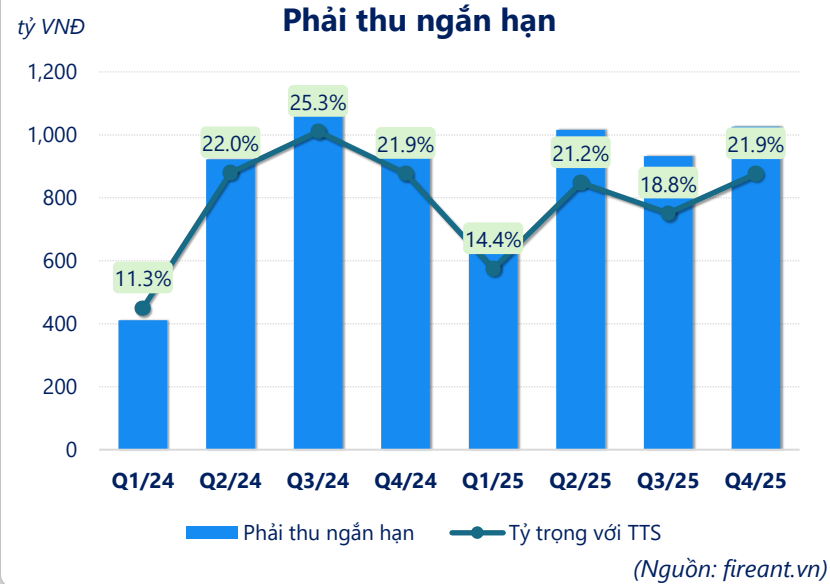
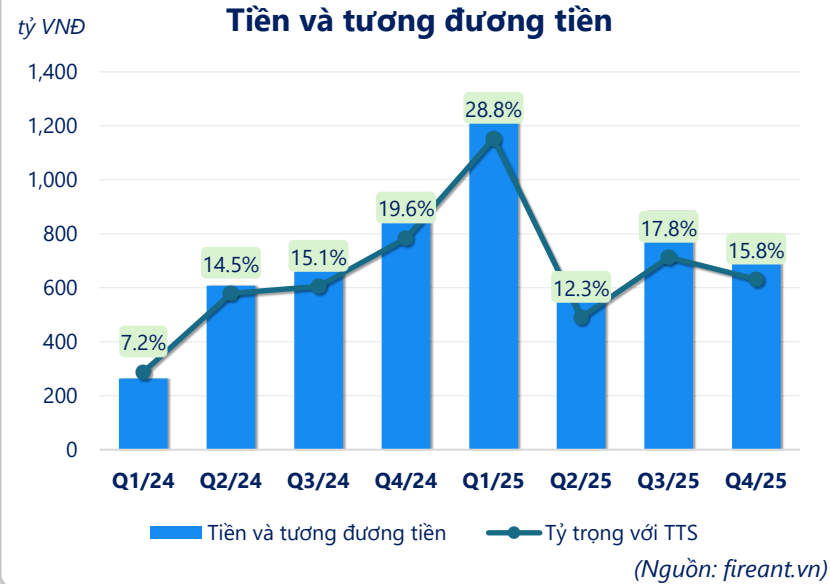
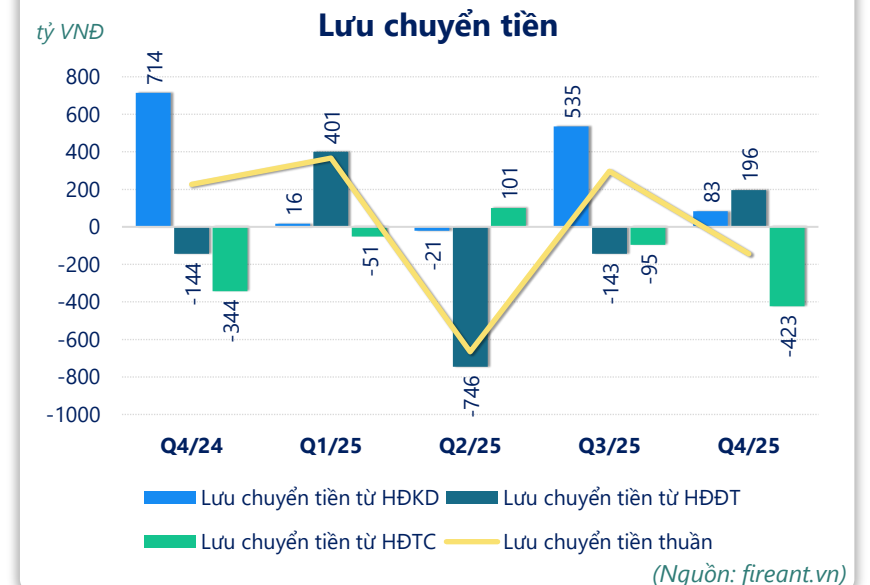
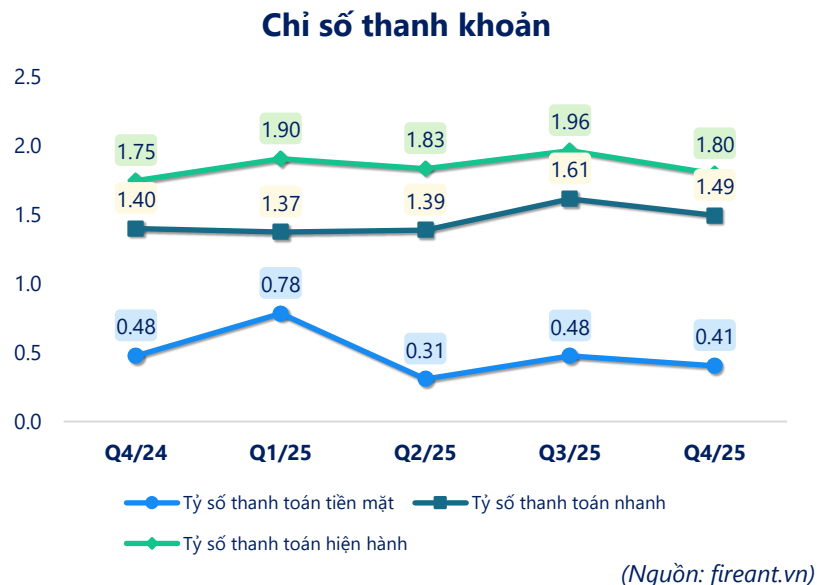
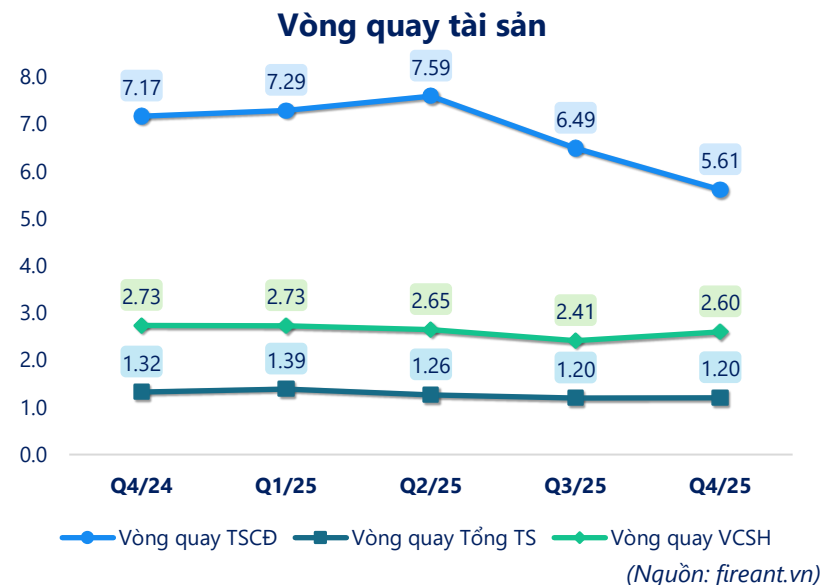
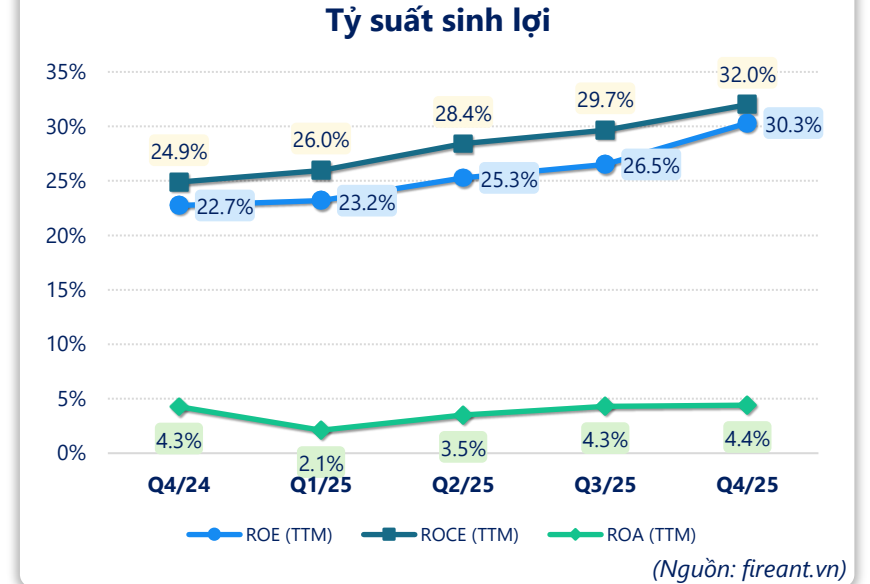
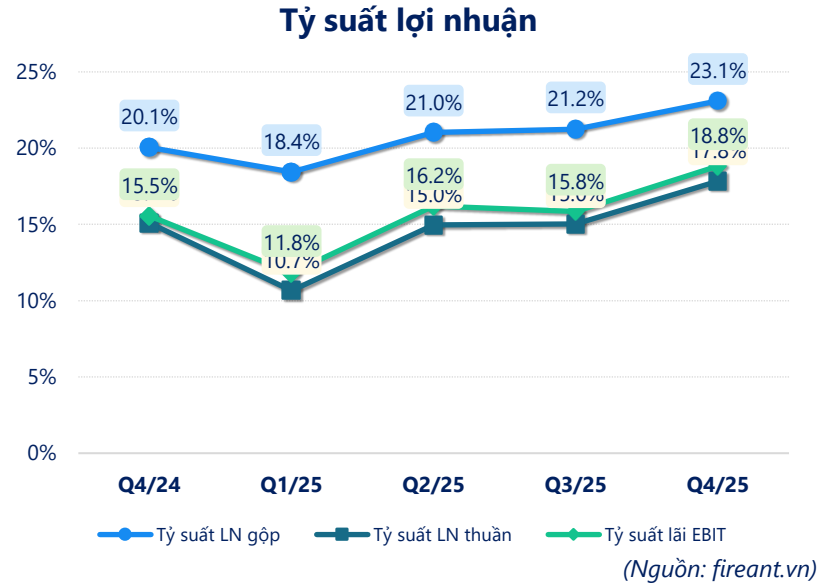
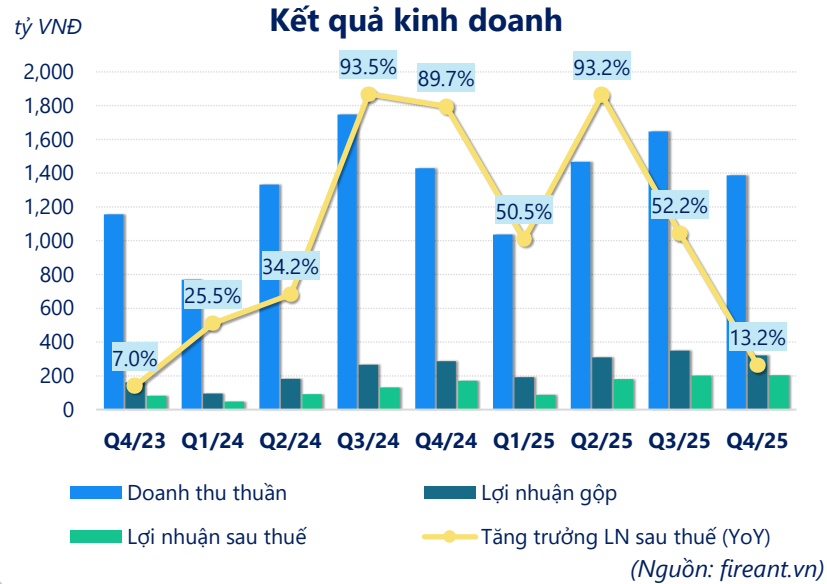


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		32,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		37,030
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,557
SL cổ phiếu LH		112,521,020
KLGD BQ 20 phiên (CP)		243,360
% sở hữu nước ngoài		7.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,651
P/E		5.7
EPS		5,738

	YTD	1T	3T	6T
MSH	4.8%	-4.1%	4.0%	-3.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,682	4,523	3.5%
Tài sản ngắn hạn	3,279	3,250	0.9%
Tiền và tương đương tiền	740	886	-16.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	880	653	34.8%
Phải thu ngắn hạn	1,026	992	3.5%
Hàng tồn kho	550	645	-14.7%
Tài sản ngắn hạn khác	83.2	73.1	13.8%
Tài sản dài hạn	1,403	1,274	10.1%
Phải thu dài hạn	39.3	40.0	-1.9%
Tài sản cố định	1,276	700	82.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	12.7	473	-97.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	18.2	34.5	-47.2%
Tài sản dài hạn khác	57.0	26.2	117%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,474	2,468	0.2%
Nợ ngắn hạn	1,826	1,860	-1.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	648	813	-20.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	175	193	-9.2%
Nợ dài hạn	648	608	6.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	648	608	6.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,208	2,056	7.4%
Vốn chủ sở hữu	2,208	2,056	7.4%
Vốn điều lệ	1,125	750	50.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,428	1,036	1,467	1,647	1,388
Giá vốn hàng bán	1,142	845	1,158	1,297	1,068
Lợi nhuận gộp	286	191	308	350	321
Doanh thu HĐTC	63.4	43.3	72.1	56.8	67.7
Chi phí TC	21.8	21.7	24.3	22.0	23.9
Chi phí lãi vay	13.6	13.7	19.1	16.2	15.3
LN trong công ty LKLD	-4.62	-4.76	-5.67	-7.81	-7.04
Chi phí bán hàng	33.3	25.0	45.2	45.7	41.4
Chi phí QLDN	74.5	72.5	85.8	83.6	68.6
LN thuần từ HĐKD	216	110	220	247	248
Lợi nhuận khác	-7.12	-1.62	-1.06	-2.71	-1.51
LN trước thuế	208	109	219	245	246
Lợi nhuận sau thuế	170	87.2	180	201	203
LNST của CĐ cty mẹ	170	84.4	158	201	203

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	714	16.5	-20.9	535	83.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-144	401	-746	-143	196
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-344	-51.1	101	-95.4	-423
Tiền đầu kỳ	660	886	1,253	587	884
Lưu chuyển tiền thuần	226	367	-666	297	-144
Ảnh hưởng tỷ giá	0.47	-0.18	0.16	0.33	-0.56
Tiền cuối kỳ	886	1,253	587	884	740

(Nguồn: fireant.vn)